

Bản án số: 40/2024/HS-PT

Ngày 15 - 8- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Thực.

Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2024/TLPT-HS ngày 27/6/2024 đối với các bị cáo Kiều Quang H, Chu Ngọc S do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

1. Các bị cáo có kháng cáo:

1.1. **Kiều Quang H**, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: thôn D, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Kiều Văn H1 và bà Nguyễn Thị T; Có vợ là Ngô Thị N và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không;

Kiều Quang H bị tạm giữ từ ngày 13/7/2023, tạm giam từ ngày 22/7/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

1.2. **Chu Ngọc S**, sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Chu Đức N1 và bà Phạm Thị H2; Có vợ là Trần Thị N2 (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 02/11/2023 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H theo Quyết định gia hạn tạm giam số 68/QĐ-VKS-P1 ngày 21/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

2.1 Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 2001. Vắng mặt.

HKTT: Tổ dân phố V, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

2.2 Chị Trần Thị C, sinh năm 2005. Vắng mặt

HKTT: Thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

2.3 Chị Bồn Thị H3, sinh năm 2007. Vắng mặt

HKTT: Thôn N, xã G, huyện B, Hà Giang.

Người giám hộ cho chị H3: Ông Bồn Văn H4- sinh năm 1979. Vắng mặt

HKTT: Thôn N, xã G, huyện B, Hà Giang.

2.4 Anh Ngô Văn C1, sinh năm 1991. Vắng mặt

HKTT: Thôn V, xã D, thị xã M, Hưng Yên

2.5 Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995. Vắng mặt

HKTT: Thôn B, xã D, thị xã M, Hưng Yên

2.6 Anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1990. Vắng mặt

HKTT: Thôn L, xã D, thị xã M, Hưng Yên

2.7 Anh Vũ Minh H5, Vắng mặt

HKTT: Thôn H, xã H, thị xã M, Hưng Yên

2.8 Chị Chu Khánh L, sinh năm 2006. Vắng mặt

HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Quang H, sinh năm 1983 hộ khẩu thường trú ở thôn D, xã D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên và chị Lê Hồng T3, sinh năm 1978 ở thôn X, xã L, huyện V có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 24/10/2022 H thuê quán K (gọi tắt là quán K) có địa chỉ ở tổ dân phố S, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên của chị T3 để kinh doanh. Quá trình hoạt động kinh doanh Karaoke H có thuê Nguyễn Văn L1 (tên gọi khác là C2), sinh năm 2002 hộ khẩu thường trú ở thôn B, xã D; chị Bồn Thị H3, sinh ngày 30/8/2007 hộ khẩu thường trú bản N, xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang, chị Trần Thị C, sinh ngày 08/7/2005 hộ khẩu thường trú ở thôn P, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh và chị T3 (tên gọi khác là D) ở tỉnh Nghệ An làm nhân viên. Trong đó, L1 được giao nhiệm vụ quản lý, trông coi quán, sắp phòng hát cho khách, thanh toán tiền hát với khách. Còn T3, H3 và C được giao nhiệm vụ phục vụ rót bia và bấm bài trong phòng hát khi khách yêu cầu. Do ngày 12/7/2023 chị T3 nghỉ làm nên H gọi điện thoại cho chị Hồ Thị H6 (tên gọi khác là M), sinh năm 1994 hộ khẩu thường trú ở tổ dân phố A, thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam (hiện ở thôn D, xã D) bảo chị H6 cho nhân viên Hồ Thị T4 (tên gọi khác là T5), sinh năm 2003 hộ khẩu thường trú ở thôn C, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam đến quán của H làm thì chị H6 đồng ý.

Khoảng 23 giờ ngày 12/7/2023 anh Nguyễn Văn V, sinh năm 2001 ở tổ dân phố V, phường B, thị xã M, gặp bạn tên là Ngọc A ở thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên tại ngã tư Phố N, phường B, thị xã M, Ngọc A rủ anh V đi hát karaoke, anh V đồng ý. Do có quan hệ quen biết với Nguyễn Văn L1 nên anh V rủ Ngọc A xuống quán K ở tổ dân phố S, phường M do L1 làm quản lý để hát karaoke. Sau đó Ngọc A và anh V thuê xe ôm của một người đàn ông không rõ

họ tên địa chỉ đến quán K thì gặp L1. Ngọc A bảo L1 chuẩn bị cho phòng hát và nhân viên thì L1 bảo T4, chị H3, chị C vào phòng hát, xong L1 đưa Ngọc A và anh V lên tầng 2 vào phòng hát Karaoke 9999 rồi đi ra thì Ngọc A ra ngoài nói với L1 về việc sinh nhật của anh V và rủ L1 sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng hát thì L1 đồng ý, sau đó Ngọc A đưa cho L1 5.000.000 đồng để L1 chuẩn bị cho ma túy rồi quay vào phòng nói với V “ hôm nay hát, bay tý cho phê” V nói “ thôi, hát một lúc rồi về” Ngọc A nói tiếp “ Mấy khi hôm nay tao bao sân”. Còn L1 cầm 5.000.000 đồng Ngọc A mang vào phòng cũng ở tầng 2 đưa tiền cho H và nói “em có hai thằng bạn thân đến hát muốn bay chút hôm nay sinh nhật chúng nó”. H cầm tiền và nói “nhiều người thế không đủ 5.000.000 đồng chỉ được 02 chỉ, phải 4 chỉ, thôi anh và mày mỗi người thêm 1 chỉ chơi cùng ” L1 nói “Em không còn tiền anh cứ ứng ra cuối tháng trừ vào lương của em” H nói “yên tâm, anh ứng ra, lúc nào trả lương, anh em mình tính toán”, L1 đồng ý. Sau đó H lấy từ túi quần phía trước bên phải ra 2 viên ma túy tổng hợp đưa cho L1, nói “đây anh còn 2 viên, anh cho chúng nó, em cầm xuống cho chúng nó chơi trước đi rồi anh em mình cùng đi lấy đồ về chơi” L1 cầm hai viên ma túy H đưa mang vào phòng hát đưa cho anh V nhưng anh V không cầm nên L1 để ở bàn rồi đi ra ngoài. Lúc này T4, chị H3 và chị C đi vào phòng hát thì Ngọc A lấy một viên ma túy tổng hợp ở bàn pha với cocacola xong Ngọc A sử dụng rồi đưa cho T4 và chị H3 sử dụng hết, còn 01 viên ma túy Ngọc A đưa cho T4 và nói “em pha đi cho mấy đứa uống”, T4 cầm viên ma túy pha với cocacola rồi đưa cho anh V và chị C sử dụng hết, do chỉ có Ngọc A và anh V nên anh V bảo chị H3 đi xuống.

Đến khoảng 0 giờ 30 phút ngày 13/7/2023 Kiều Quang H gọi điện thoại cho Chu Ngọc S, sinh năm 1986 hộ khẩu thường trú ở thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hưng Yên hỏi mua 04 chỉ ma túy ketamine và 20 viên ma túy tổng hợp, S đồng ý, do S không có ở nhà nên S bảo H chuyển khoản 14.000.000 đồng vào số tài khoản mở tại ngân hàng V1 mang tên anh Chu Ngọc S1, sinh năm 1988 ở thôn Đ, xã Đ, huyện Y (là em trai S nhưng do S sử dụng số tài khoản trên). Do không đủ tiền nên H hỏi vay chị H6 số tiền 10.000.000 đồng và vay của anh Lương Hoàng Mạnh C3, sinh năm 1995 ở tổ dân phố S, phường M, thị xã M ở M số tiền 2.000.000 đồng, rồi chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng vào tài khoản mang tên anh S1. Sau khi nhận được tiền S cho H số điện thoại của chị Chu Khánh L, sinh ngày 25/11/2006 là con của S bảo H đến khu vực E thuộc huyện V, tỉnh Hưng Yên để lấy ma túy, đồng thời S gọi điện thoại cho chị L báo lát có người gọi điện thoại đến thì mang hộp cattong Soái để ở đầu giường xuống cho khách. H điều khiển xe ô tô biển kiểm số 89A-273.56 chở L1 đến căn hộ chung cư thuộc khu biệt thự đảo, khu đô thị E xã X, huyện V rồi gọi điện thoại cho chị L nhưng chị L không nghe máy. Một lúc sau chị L thấy cuộc gọi nhờ nên gọi lại nên chị L mang hộp cattong xuống. Thấy chị L đi đến gần xe ô tô thì H hạ kính xe phía trước bên trái xuống, chị L đưa hộp cattong vào xe cho H rồi đi vào nhà. Trên đường về L1 mở hộp cattong ra thì thấy bên trong có 10 viên ma túy tổng hợp và 01 gói ma túy ketamine. Về về đến cửa quán thì H đưa cho L1 gói ma túy ketamine và 01 viên ma túy tổng hợp bảo L1 mang lên

cho mọi người sử dụng trước. L1 cầm viên ma túy lên phòng đưa cho Ngọc A, Ngọc A cầm rồi đưa cho T4. T4 cầm viên ma túy đổ vào trong cốc nhựa thì chị C đổ cocacola vào thì Ngọc A tự cầm uống hết. Còn L1 lấy gói ma túy ketamine trong túi quần ra đổ một phần ra đĩa rồi dùng bật lửa hơi nóng đáy đĩa cho nóng rồi dùng thẻ nhựa dầm nhỏ ma túy thành bột xong chia số ma túy trên đĩa thành các đường chỉ. Sau khi xào ma túy xong L1 đưa cho Ngọc A sử dụng, tiếp đến là anh V, T4, chị C, L1 sử dụng, lúc này H đi vào phòng thì L1 đưa đĩa ma túy cho H sử dụng. Do thấy phòng hát 9999 bản và nhạc nhỏ nên H rủ mọi người sang phòng 8888. L1 đưa gói ma túy ketamine còn lại cho H, H cầm gói ma túy ketamine sang phòng 8888 đổ hết ra đĩa xào ma túy, còn L1 thì bê đĩa ma túy ở phòng 9999 sang phòng 8888. Tại phòng 8888 H, L1, anh V tiếp tục sử dụng ma túy ketamine. Đến khoảng 02 giờ 40 phút cùng ngày Công an thị xã M phối hợp với Công an phường M tiến hành kiểm tra phát hiện. Thấy vậy, H bảo L1 đổ hết ma túy đi đồng thời H cũng chạy vào nhà vệ sinh ném gói ma túy tổng hợp vào bồn cầu rồi xả nước, còn L1 cầm 02 đĩa ma túy ketamine và ống hút ở bàn vào nhà vệ sinh đổ vào bồn cầu rồi cũng xả nước, rửa đĩa. Sau đó L1 và đối tượng tên Ngọc A bỏ trốn.

Khi kiểm tra lực lượng Công an đã thu giữ những vật chứng sau:

Tại phòng 9999 có 02 chiếc bàn, đã thu giữ và quản lý tại bàn số 01 gồm:

Tại vị trí cách mép bàn phía Bắc 15 cm, cách mép bàn phía Đông 27cm: 02 nửa vỏ con nhộng màu vàng, bên trong có chất bột màu xám xanh (niêm phong ghi ký hiệu M1).

Tại vị trí trên lon bia trên bàn cạnh cửa ra vào, vị trí cách mép bàn phía Bắc 100 cm, cách mép bàn phía Đông 27 cm: 01 nửa con nhộng màu vàng, bên trong có chứa chất màu xám xanh (niêm phong ghi ký hiệu M2).

Tại vị trí sát cạnh mép bàn phía Nam, cách mép phía Đông 22 cm: 01 nửa con nhộng màu vàng, bên trong có chứa chất màu xám xanh (niêm phong ghi ký hiệu M3).

Tại vị trí cách mép bàn phía Bắc 8 cm, cách mép bàn phía Đông 20 cm: 01 cốc nhựa màu trắng, bên trong có bám dính chất màu nâu vàng (niêm phong ghi ký hiệu M4).

Tại vị trí cách mép bàn phía Bắc 25 cm, cách mép bàn phía Đông 26 cm: 01 cốc nhựa màu trắng, bên trong có bám dính chất màu nâu vàng (đã niêm phong ghi ký hiệu M5).

Tại vị trí cách mép bàn phía Bắc 110 cm, cách mép bàn phía Đông 10 cm: 01 đĩa kim loại sáng màu, chuôi bằng nhựa màu vàng, KT (11 x 1) cm (niêm phong ghi ký hiệu M 6).

Tại vị trí cách góc bàn phía Bắc 12 cm, cách mép bàn phía Đông 26 cm: 02 điều thuốc lá màu trắng, mất phần đầu lọc (niêm phong ghi ký hiệu M 7).

Tại khu vực vị trí bàn số 02 thu giữ và quản lý:

Tại nền phòng cạnh góc phía T của chân bàn giáp tường phía Tây phòng: 02 nửa viên con nhộng màu vàng, bên trong có chứa chất bột màu xám xanh (niêm phong ghi ký hiệu M 8).

Trên mặt bàn quản lý 01 túi kiểu túi zip, màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ, bên trong không chứa gì (niêm phong ghi ký hiệu M 9) và 01 bật lửa màu xanh, phần kim loại phía trên sáng màu, có chữ H - VIET và 01 bật lửa vỏ màu đỏ trắng, trên có chữ “2023 Vạn Sự Như ý” (niêm phong ghi ký hiệu M 10).

Tại phòng 8888 thu giữ và quản lý: Thu tại mặt bàn cách mép bàn hướng Tây 41 cm, cách mép bàn hướng Nam 12 cm: 01 con dao tem có bắm dính chất màu trắng (niêm phong ghi ký hiệu M11).

Tiến hành khám xét khẩn cấp quán K, Cơ quan điều tra đã thu giữ và quản lý đồ vật sau:

* T6 tại phòng ngủ tầng 2:

01 (một) túi nilon loại zip, mép màu đỏ, bên trong có bắm dính chất màu trắng, thu trong túi nilon màu xanh dưới nền nhà cạnh cửa ra vào (niêm phong ghi ký hiệu P1).

Tại thùng cát tông đựng đồ ở dưới nền phòng, trong góc tường bên trái theo hướng từ cửa vào (niêm phong ghi ký hiệu P2) gồm, trong đó: 01 (một) gói nilon loại zip, mép màu trắng, bên trong chứa chất màu trắng dạng tinh thể (niêm phong ghi ký hiệu P2.1), một phần của viên nén màu xanh, bên trong màu xám xanh, không có chữ gì (niêm phong ký hiệu P2.2), 01 (một) viên hình con nhộng màu vàng, bên trong có chứa chất bột (niêm phong ký hiệu P2.3).

Tại góc trên cùng bên phải tủ quần áo trong góc phòng thu giữ 02 viên dạng con nhộng, bên trong có chứa chất bột màu xám xanh (niêm phong ghi ký hiệu P3).

* Tại quầy lễ tân:

- Trên nước quầy lễ tân 01 thẻ cứng bên trên có bắm dính chất bột màu trắng (niêm phong ký hiệu Q1)

- Trên mặt tủ dưới quầy thanh toán, 01 tờ giấy màu trắng, trên mặt giấy có chất màu trắng dạng tinh thể (niêm phong ghi ký hiệu Q2)

- Trong ngăn kéo tủ dưới quầy thanh toán 01 gói nilon bên trong có bắm dính chất màu trắng (đã niêm phong ghi ký hiệu Q3)

* Thu tại nhà vệ sinh tầng 2: Thu 02 (hai) đĩa sứ màu trắng đã được rửa sạch (niêm phong ghi ký hiệu V1).

Quản lý của chị Trần Thị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu xám, Hồ Thị T4 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh, Kiều Quang H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh.

Ngoài ra Cơ quan điều tra còn quản lý tại quán: 01 Xe mô tô kiểu dáng Honda Dream không gắn biển số, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 99H8-3037, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen, BKS 89F1-435.96, 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda3 màu đỏ biển số 89A-273.56; 01 đầu thu camera màu đen nhãn hiệu Dahua, có số 4A016B)PAZBD0WA, kiểm tra đầu thu bên trong lắp ổ cứng có dung lượng 01Tb nhưng không có dữ liệu gì.

Tiến hành khám xét chỗ ở của Kiều Quang H, Hồ Thị T4 đều ở thôn D, xã D, thị xã M, chỗ ở Nguyễn Văn L1 ở thôn B, xã D, thị xã M: Kết quả không thu giữ được đồ vật tài liệu gì.

Sau khi bị phát hiện, H và T4 bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M. Đến ngày 07/10/2023 bị cáo L1 ra đầu thú, còn S thì bị bắt và bị tạm giam trong vụ án khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H thụ lý giải quyết.

Tại Bản Thông báo Kết luận sơ bộ số 422/KL-KTHS(MT) ngày 13/7/2023 và Bản kết luận giám định số 422/KL-KTHS(MT) ngày 16/7/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh H kết luận:

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu P1, không xác định được khối lượng là ma túy, loại: Ketamine.

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng được ký hiệu P2-1 trong niêm phong ghi ký hiệu P2, có khối lượng là 0,037g(Không phẩy không ba bảy gam) là ma túy, loại: Ketamine.

Mẫu chất dạng viên nén màu xanh bên trong màu trắng được ký hiệu P2-2 trong niêm phong ghi ký hiệu P2, có khối lượng là 0,180g(không phẩy một tám không gam) không phải là ma túy.

Mẫu chất màu xám xanh dạng bột được ký hiệu P2-3 trong niêm phong ghi ký hiệu P2, có khối lượng là 0,144g (Không phẩy một bốn bốn gam) là ma túy, loại MDMA.

Mẫu chất màu xám xanh dạng bột trong niêm phong ghi ký hiệu P3 có tổng khối lượng là 0,370g (Không phẩy ba bảy không gam) là ma túy, loại MDMA.

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q1, không xác định được khối lượng là ma túy, loại Ketamine.

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q2 có khối lượng là 0,079g (Không phẩy không bảy chín gam) là ma túy, loại Ketamine.

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu Q3, không xác định được khối lượng, là ma túy, loại Ketamine.

Mẫu chất màu xám xanh dạng bột trong niêm phong ghi ký hiệu M1, có khối lượng là 0,012g (Không phẩy không một hai gam) là ma túy, loại MDMA.

Mẫu chất màu xám xanh dạng bột trong niêm phong ghi ký hiệu M2, không xác định được khối lượng là ma túy, loại MDMA.

Mẫu chất màu xám xanh dạng bột trong niêm phong ghi ký hiệu M3, không xác định được khối lượng là ma túy, loại MDMA.

Phát hiện dấu vết chất ma túy trong chiếc cốc nhựa màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M4, loại MDMA, Ketamine.

Không phát hiện dấu vết chất ma túy trong chiếc cốc nhựa màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M5.

Mẫu chất màu xám xanh dạng bột trong niêm phong ghi ký hiệu M8, không xác định được khối lượng là ma túy, loại MDMA.

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M11, không xác định được khối lượng là ma túy, loại Ketamine.

Mẫu hoàn lại được niêm phong trong một niêm phong ghi số 422/KL-KTHS (MT) bên trong có 0,007g (Không phẩy không không bảy gam) ma túy, loại MDMA trong niêm phong ghi ký hiệu M1; 0,031g (Không phẩy không ba một gam) ma túy, loại Ketamine trong niêm phong ghi ký hiệu P2-1; 0,147g (Không phẩy một bốn bảy gam) chất dạng viên nén màu xanh bên trong màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu P2-2; 0,127g (Không phẩy một hai bảy gam) ma túy, loại MDMA trong niêm phong ghi ký hiệu P2-3; 0,354g (không phẩy ba năm bốn gam) ma túy, loại MDMA trong niêm phong ghi ký hiệu P3; 0,074g (Không phẩy không bảy bốn gam) ma túy, loại Ketamine trong niêm phong ghi ký hiệu Q2; toàn bộ các vỏ túi nylon, mảnh giấy, các vỏ viên thuốc con nhộng màu vàng đựng ma túy; 01 (Một) dao tem; 01 (Một) thẻ nhựa có chữ V2; 02 (Hai) cốc nhựa màu trắng; các vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định. Mẫu hoàn được niêm phong giao cho Công an thị xã M quản lý.

Cơ quan điều tra Công an thị xã M còn tiến hành thu mẫu nước tiểu của anh Nguyễn Văn V (niêm phong ký hiệu T1), Kiều Quang H (niêm phong ký hiệu T2), chị Trần Thị C (niêm phong ký hiệu T3), chị Bồn Thị H3 (niêm phong ký hiệu T4), Hồ Thị T4 (niêm phong ký hiệu T5) để trưng cầu giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 5244/KL-KTHS ngày 21/7/2023 của V3 Bộ C4 kết luận: Điều tìm thấy các chất ma túy MDMA và ketamine trong các mẫu nước tiểu ký hiệu T1, T2, T3 và T5. Tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu nước tiểu ký hiệu T4.

Đối với số tiền 4.600.000 đồng thu ở quầy lễ tân và điện thoại thu giữ của H liên quan đến việc phạm tội. Còn điện thoại thu giữ của chị C và T4 không liên quan đến việc phạm tội, chị C và T4 đều đề nghị được nhận lại tài sản. Ngày 27/7/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị C chiếc điện thoại, chị C nhận lại tài sản không yêu cầu đề nghị gì.

Còn chiếc điện thoại di động S dùng để liên hệ mua bán ma túy với H, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã quản lý trong vụ án Mua bán trái phép chất ma túy xảy ra ngày 02/11/2023 tại huyện V.

Các xe ô tô và mô tô Cơ quan điều tra đang quản lý để chờ xử lý gồm: Xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3 màu đỏ, biển số 89A-273.56, quá trình điều tra xác định là xe của anh Ngô Văn C1, sinh năm 1991 ở thôn V, xã D, thị xã M cho H mượn, anh C1 không biết H sử dụng xe ô tô để đi mua ma túy. Xe mô tô kiểu dáng Dream không gắn biển số là của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1995 ở thôn B, xã D, thị xã M (anh T1 là anh trai của L1, cho Lương mượn), xe mô tô biển số 99H8- 3037 là của anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1990 ở thôn L, xã D, thị xã M, xe mô tô biển số 89F1- 435.96 là của anh Vũ Minh H5, sinh năm 1998 thôn H, xã H. Anh T2 và anh H5 xác định trước đó có đến quán karaoke của H hát nhưng do thiếu tiền nên anh T2 và anh H5 để lại xe mô tô. Đến nay anh C1, anh T1, anh T2 và anh H5 đề nghị được nhận lại tài sản, anh C1 ủy quyền cho chị Ngô Thị N, sinh năm 1988 ở thôn D, xã D lại chiếc xe ô tô trên.

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Văn L1 (tức C2), Kiều Quang H, Hồ Thị T4 (tức T5) và Chu Ngọc S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 41/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Kiều Quang H phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 và khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Khoản 1 Điều 17; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Kiều Quang H.

Xử phạt bị cáo Kiều Quang H 10 năm tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/07/2023.

Tuyên bố bị cáo Chu Ngọc S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 và khoản 5 Điều 251; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Ngọc S.

Xử phạt bị cáo Chu Ngọc S 04 năm tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giam 08/11/2023.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Kiều Quang H 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và phạt bị cáo Chu Ngọc S 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn áp dụng điều luật, quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn L1 (tức C2), Hồ Thị T4 (tức T5) quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2024 các bị cáo Kiều Quang H, Chu Ngọc S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Kiều Quang H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố mẹ già yếu, con nhỏ để giảm nhẹ hình phạt tù và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Chu Ngọc S thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nhận thấy tội danh, hình phạt do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, bị cáo tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Kiều Quang H về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; đã xét xử bị cáo Chu Ngọc S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo H, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Quang H, sửa bản án sơ thẩm số 41/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên đối với bị cáo H theo hướng giảm từ 09 tháng đến 01 năm tù và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Chu Ngọc S do

bị cáo S đã tự nguyện rút kháng cáo. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Kiều Quang H, Chu Ngọc S được làm trong thời hạn do pháp luật quy định là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo Kiều Quang H, Chu Ngọc S tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai trước cơ quan điều tra. Phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đồng thời phù hợp vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX phúc thẩm đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 15 phút ngày 13/7/2023 tại khu vực khu biệt thự đảo, khu đô thị E thuộc huyện V, tỉnh Hưng Yên. Chu Ngọc S đã có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy ketamine và 10 viên ma túy tổng hợp cho Kiều Quang H lấy số tiền 14.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ 0 giờ đến 02 giờ 40 phút ngày 13/7/2023 tại quán K ở tổ dân phố S, phường M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên, Kiều Quang H và Nguyễn Văn L1 (tức C2) đã thực hiện hành vi cung cấp địa điểm, ma túy, chuẩn bị công cụ, phương tiện rồi cùng 05 người khác là anh Nguyễn Văn V, chị Bồn Thị H3, sinh ngày 30/8/2007, chị Trần Thị C, Hồ Thị T4 và đối tượng có tên Ngọc A sử dụng trái phép chất ma túy loại MDMA và Ketamine. Trong khi sử dụng ma túy, T4 (tức T5) đã giúp sức tích cực cho H và L1 (tức C2) thực hiện tội phạm bằng cách hòa ma túy loại MDMA vào nước uống cocacola rồi đưa cho anh V và chị C sử dụng, sau đó thì bị phát hiện.

Bởi hành vi trên, bị cáo Kiều Quang H đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b,c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Chu Ngọc S đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật đồng thời cũng nhận thức rõ tác hại của ma túy cũng như hệ lụy của việc sử dụng ma túy để lại cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của bị cáo trong vụ án; áp dụng đầy đủ, chính xác tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Kiều Quang H 10 năm tù, tuyên phạt bị cáo Chu Ngọc S 04 năm tù là phù hợp quy định của pháp luật và tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chu Ngọc S thừa nhận tội danh, hình phạt do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và xin rút toàn bộ kháng cáo. Việc bị cáo S rút kháng cáo là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Chu Ngọc S.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù, xin miễn hình phạt bổ sung của bị cáo Kiều Quang H: Hội đồng xét xử xét thấy việc bị cáo Kiều Quang H cung cấp địa điểm, ma túy, chuẩn bị công cụ, phương tiện cho các bị cáo sử dụng ma túy và cùng tham gia sử dụng ma túy không có dự định trước, bị cáo không hưởng lợi từ hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Tại giai đoạn phúc thẩm, vợ bị cáo có đơn đề nghị hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ, bố mẹ bị cáo đã cao tuổi không có khả năng lao động, bị cáo là lao động chính trong gia đình và có xác nhận của chính quyền địa phương, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là có căn cứ và được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Kiều Quang H vẫn đảm bảo tính nghiêm minh và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Các bị cáo Kiều Quang H, Chu Ngọc S không phải chi án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ các Điều 342, 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Chu Ngọc S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên đối với bị cáo Chu Ngọc S có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 15/8/2024.

[2]. Căn cứ Điều 343; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kiều Quang H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên đối với bị cáo Kiều Quang H như sau:

Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1 Điều 17; Khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Kiều Quang H.

Xử phạt: Bị cáo Kiều Quang H 09 năm tù, về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ 13/07/2023.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Kiều Quang H.

[3]. Về án phí: Các bị cáo Kiều Quang H, Chu Ngọc S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng PC10-CA tỉnh Hưng Yên;
- TAND, VKSND, CA thị xã Mỹ Hào;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Kiên

